

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/02/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Lượng mưa phổ biến 10-30mm, cục bộ có nơi trên 50mm như Phù Yên (Sơn La) 93.1mm, Bắc Quang (Tuyên Quang) 67.4mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 65%. + Trên sông Đà: Lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế thấp hơn so với 7 ngày trước và cao hơn mức TBNN 44%. + Trên sông Hồng: Lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua xấp xỉ TBNN cùng kỳ.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-15mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tiếp tục giảm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 72%. + Trên sông Lô: Lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ thấp hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 62%. + Trên sông Đà: Lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế thấp so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 23%. + Trên sông Hồng: Lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 16%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Lượng mưa phổ biến 10-20mm, cục bộ có nơi trên 30mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ

222%.
+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lục Nam biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 13%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 5-10mm.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tiếp tục biến đổi chậm xu thế giảm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 156%.
+ Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo giảm so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 12%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Lượng mưa phổ biến 5-20mm, cục bộ có nơi trên 30mm như Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 49.8mm, Tp Vinh (Nghệ An) 37.9mm.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 29%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 8%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 75%.
+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 384%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 15-30mm, có nơi trên 40mm.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 27%, sông Cả tại

trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 6%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diêm thấp hơn khoảng 77%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 382%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Lượng mưa phổ biến 5-15mm, cục bộ có nơi trên 30mm như Hội An (Quảng Ngãi) 34.2mm, Nha Trang (Khánh Hòa) 57.3mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 25% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 53%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 10%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 23%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 42%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 104%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 63%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức cao hơn TBNN 28%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 61%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 44% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn so với TBNN 38%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần vừa qua, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần trước, riêng hạ lưu sông Đăkbla lưu lượng dòng chảy tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 22%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN 6%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk biến đổi ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 20%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN 11%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 20% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc tương đương so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/02/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/02/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	4,9	<17	0,3	0	0,1	0,3	1	0,3	0,5	2,5	<74
	Sơn La	12,7	>238	0,1	0	0,5	0,2	0,4	0,4	0,2	1,8	<63
	Hòa Bình	7,3	>151	0	0,2	3	1,7	1,7	0	0,1	6,7	>256
	Lào Cai	2,6	<31	0,1	0,2	2,6	3,1	2,5	0,4	0	8,9	<4
	Yên Bái	40,5	>471	0,8	0,3	1,7	1,3	3,3	0,9	0	8,3	<15
	Tuyên Quang	24,4	>284	0,1	0,6	0,2	1,4	2,4	0,1	0	4,8	<38
	Hà Giang	37,7	>512	0,4	2,7	5,4	9,4	5,1	1,5	1	25,5	>151
	Láng	26,4	>497	0,1	0,4	3,1	3,8	2,3	0	0	9,7	>78
	Thái Bình	5,8	<1	0,1	0,7	4,1	2,8	0,4	0,1	0,1	8,3	>40
	Nam Định	4,6	<8	0,1	0,9	1,8	6,5	4,5	0	0,4	14,2	>118
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	16,7	>149	0,2	0,6	0,8	1,9	1,5	0,7	0,4	6,1	<26
	Thái Nguyên	21,2	>199	0,5	0,9	0,4	1,8	0,6	0	1,5	5,7	<23
	Bắc Ninh	17,5	>232	0,1	0,8	1,9	4,2	1,4	0	0,3	8,7	>23
	Lạng Sơn	14,3	>132	0,1	0,5	0,3	4,4	1	0	0	6,3	<29
	Bắc Giang	15,2	>170	0,1	0,9	2	3,6	2,2	0	0,1	8,9	>41
	Hải Dương	10,4	>161	0,1	0,9	2,7	4,3	2,1	0,1	0,1	10,3	>93
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	7,8	>233	0,1	2	3,8	2,8	2,2	0,5	0,1	11,5	>196
	Bái Thượng	19,2	>215	0,3	1,4	2,4	7,6	4,1	0	0,4	16,2	>148
	Thanh Hóa	4,1	>15	0	1,2	1,6	8,3	6,4	0,1	0,2	17,8	>210
	Quỳ Châu	11,4	>365	0	3,1	2,1	3,9	0,4	0,2	0	9,7	>162
	Cửa Rào	3,2	<13	0	2,8	3,5	2,1	2,4	0,9	0,2	11,9	>198
	Đô Lương	26,2	>342	0,2	9,9	19,1	14	11,5	4,6	0,1	59,4	>546

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	37,9	>294	0	1,8	4,5	15,4	3,1	1	0,2	26	>210
	Hương Sơn	13,1	>81	0	1,7	4	16,3	3,3	0,2	0,4	25,9	>208
	Hương Khê	46,4	>337	0,1	6,1	12,7	4,5	4,3	4,8	0,3	32,8	>201
	Hà Tĩnh	33	>130	0	1,8	10,8	11,7	5,2	3,3	0,3	33,1	>151
	Đồng Hới	0,8	<89	0,2	4,7	9,4	9,4	6	2,9	0,5	33,1	>289
	Quảng Trị	0,2	<97	0	2,2	4	3,3	2,9	1,4	0	13,8	>49
	Nam Đông	1,2	<90	0	0	2,1	3,1	1,8	2,6	0,1	9,7	<16
	Huế	12,7	<21	0	0	1,1	0,9	0,4	0,6	0	3	<80
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	4,3	<17	0	1,8	5,5	10,4	9,3	4,6	0,1	31,7	>488
	Trà My	7,1	<68	0	0	2,9	5	3,6	2,3	0,2	14	<14
	Ba Tơ	6,2	<69	0	0,4	3,1	8,5	5,3	2	0,1	19,4	>52
	Quảng Ngãi	8,9	<8	0	0,7	4,9	5,9	4	2	0	17,5	>81
	Quy Nhơn	13,9	>233	0,2	1,3	2,9	4,4	3,6	2,2	0,1	14,7	>70
	An Khê	6,5	>173	0	0,9	0,8	1,6	0,8	0,2	0	4,3	>13
	Tuy Hòa	1,1	<70	0,5	1,1	2,9	6,5	5,1	3,7	0,4	20,2	>256
	Nha Trang	57,3	>1903	0,2	4,2	1,6	2,8	2,3	0	0,1	11,2	>623
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lắk	0	<100	0	1,3	0	0	0,1	0,5	0	1,9	>90
	Buôn Mê Thuật	0	<100	0	1,2	0	0,1	0,1	0	0	1,4	<15
	Biên Hòa	4,5	>484	0,1	0,8	0,1	0	0	0	0	1	<39
	Cần Thơ	1	<55	1	0,4	0	0	0	0,1	0,5	2	>426

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/02/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/02 đến 14/02	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/02	16/02	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	34	<73	5	5	5	5	5	5,0	5	34	<72%
Lô	Tuyên Quang	86	<65	10	11	10	10	10	10,0	12	73	<62
Đà	Hồ Hòa Bình	447	>44	50	54	54	56	58	59,0	56,16	387	>23
Hồng	Hà Nội	664	<1	107	102	97	102	107	97,0	88	700	>16%
Cầu	Gia Bảy	31,2	>222	5,7	5,28	5,0	4,51	4,13	3,6	3,43	31,7	>156
Lục Nam	Chũ	2,6	>13	0,45	0,41	0,41	0,38	0,38	0,3	0,34	2,71	<12
Mã	Cắm Thủy	111	> 29%	14,5	15,0	15,1	16,8	16,1	15,6	13,9	107	> 27%
Cả	Yên Thượng	140	> 8%	17,7	18,2	18,4	20,4	19,5	19,0	16,9	130	> 6%
La	Hòa Duyệt	34,5	~ TBNN	4,19	4,32	4,4	4,85	4,63	4,5	4,01	30,8	~ TBNN
Tả Trách	Thượng Nhật	19,4	> 384	2,8	2,6	2,5	2,6	2,4	2,2	2,1	17,2	> 382
Thu Bồn	Nông Sơn	119	> 25	17,3	16,4	15,7	14,9	15,1	14,4	13,8	108	> 28
Trà Khúc	Sơn Giang	98	> 53	14,3	14	13,4	12,6	12,8	12,6	12,3	92	> 61

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/02 đến 14/02	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/02	16/02	17/02	18/02	19/02	20/02	21/02	Tổng	So sánh TBNN (%)
Ba	Củng Sơn	31,5	<23	3,63	3,46	3,1	3,11	3,02	2,8	2,68	21,8	<44
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	26,6	>42	3,8	3,63	3,5	3,46	3,46	3,3	3,02	24,2	>38
Đăk Bla	Kon Tum	20,5	< 22	3	2,7	2,6	2,83	3,01	2,9	2,82	19,8	< 20
Srêpôk	Giang Sơn	20,4	> 6	2,8	2,8	2,76	2,49	2,51	2,5	2,37	18,2	> 11
Tiền	Tân Châu			421	410	402	393	389	384,0	380	2779	>20
Hậu	Châu Đốc			59	50	52	52	46	46,0	43	350	~ TBNN